

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày: 09/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG , TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Nam; Bà Lê Thị Trang

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:

Ông Ngô Thọ Pha - Kiểm sát viên

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/HSST ngày 17/01/2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN TRỌNG T (tên gọi khác: Nguyễn Trọng T), sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Trọng C, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1965; nhân thân: Là đối tượng nghiện ma túy; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 23/10/2017 đến ngày 29/10/2017 chuyển tạm giam đến nay, “có mặt”.

2. LÊ VĂN D, sinh này 08 tháng 02 năm 2000; nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng, là mẹ của bị cáo “vắng mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Lê Khắc H – Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa bào chữa cho Lê Văn D “có mặt”.

- Bị hại : Ông Văn Huy H, sinh năm 1959; cư trú tại: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Đới Đức H, sinh năm 1982; Cư trú tại: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Anh Lê Đình C, sinh năm 1985, Cư trú tại: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, cư trú tại: Thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13h 40 phút ngày 14/10/2017, Nguyễn Trọng T đi bộ từ nhà T ở thôn 6, xã Q, huyện Q sang nhà ông Văn Huy H, sinh năm 1959 ở cùng thôn, mục đích trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Đến nơi, T quan sát thấy cửa cổng, cửa nhà đều khóa, không có người ở nhà, T trèo qua tường vào trong phát hiện cửa hông làm bằng gỗ được buộc cố định bên trong, T dùng tay kéo mạnh cửa ra ngoài để tạo khe hở rồi luồn tay vào đẩy đoạn gậy tre dài 1,2m buộc bằng sợi dây dù với cánh cửa làm đoạn tre rơi xuống. T mở cửa vào phòng khách bật công tắc điện, quan sát thấy có 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen để trên bàn uống nước, 02 con ngựa gỗ sơn màu nâu cao khoảng 30cm và 01 chiếc ti vi màn hình phẳng hiệu SAMSUNG 42inch màu đen trên kệ tivi. T đi lại cầm chiếc điện thoại bỏ vào túi quần, ôm 02 con ngựa gỗ để xuống nền nhà rồi lấy 01 chiếc túi ni lông màu trắng đục trên nóc tủ quần áo bỏ hai con ngựa gỗ vào, sau đó tắt điện ra ngoài và đóng cửa lại. T mang hai con ngựa gỗ đi tìm người để bán nhưng không bán được. Sau đó T nhờ Nguyễn Trọng N người cùng thôn chở lên thôn 1, xã Q, huyện Q tìm nơi tiêu thụ, N đồng ý chở T đến xã Q rồi quay về nhà, còn T ôm hai con ngựa gỗ đi bộ vào nhà anh Đới Đức H, sinh năm 1982 để bán, T nói: “Chú có mua hai con ngựa gỗ không, của nhà cháu không dùng nữa bố mẹ bảo cháu đem đi bán”, anh H tin và mua 02 con ngựa gỗ trên với giá 200.000đ. Sau đó T gặp Trần Văn C, sinh năm 1993 ở thôn 1, xã Q, huyện Q là bạn T, cả hai rủ nhau lên nhà Nguyễn Kim T, sinh năm 1993 ở thôn 7, xã Q chơi, T dùng số tiền 200.000đ bán ngựa gỗ mua đồ uống, thức ăn hết, chiếc điện thoại NOKIA trộm cắp được T bán cho chị Nguyễn Thị H (mẹ Thao) lấy 100.000đ chơi game.

Đến khoảng 16h45’ cùng ngày, do hết tiền tiêu T nhờ Lê Văn D chở về xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa mục đích vào nhà ông H để tiếp tục trộm cắp chiếc tivi SAM SUNG 42inch. Do D không biết đường nên T điều khiển xe mô tô của D, vừa đi T vừa nói dối D: “Về nhà anh lấy cái tivi đem đi bán, mi có biết chỗ nào bán không”, D đồng ý và nói: “Không thiếu chỗ bán”. Cả hai đi đến ngã ba đường bê tông thôn 6, xã Q, huyện Q cách nhà ông H khoảng 30m về phía bắc, T dừng xe bảo D đứng ngoài chờ, còn T một mình trèo tường phía sau vào nhà ông H. Lúc này ông H vẫn chưa đi làm về, T mở cửa hông phía đông nhà vào phòng khách bật điện cầm điều khiển tivi bỏ vào túi quần, ôm tivi SAMSUNG 42inch ra ngoài tắt điện, khép cửa lại. T đi ra đặt tivi lên bờ tường rồi vẫy tay cho D lại đỡ tivi. Thấy vậy D sợ không dám lại vì lúc này D biết là T trộm cắp tivi chứ không phải là lấy tivi của nhà T như T nói lúc đầu. Sau khi D không lại một tay T giữ tivi rồi trèo qua tường ôm tivi ra ngoài đi lại chỗ D ngồi, T điều khiển xe máy, D ngồi sau ôm

tivi đi lên xã Q, huyện Q tìm nơi tiêu thụ. T và D đem tivi đến các cửa hàng sửa chữa tivi trên địa bàn xã Q, huyện Q bán nhưng không ai mua. Sau đó, D và T chở tivi vào nhà chú của D là Trần Thế N, sinh năm 1980 ở thôn 4, xã Q, huyện Q để bán, đến nơi D vào bán, còn T đứng ngoài chờ, nhưng anh N không mua. Do trời tối nên D để nhờ tivi lại nhà anh N rồi ra gặp T, D nói “được 600.000đ anh có bán không, bán thì để lại, không thì anh mang về” T đồng ý bán tivi 600.000đ, D bảo T khoảng 20h lại lấy tiền rồi chở T ra quán nét nhà anh T ở thôn 8, xã Q chơi Game. Đến 20h cùng ngày D một mình quay lại nhà anh N để lấy tivi đem đi bán, thì gặp anh Văn Doãn T, sinh năm 1982 ở thôn 7, xã Q, huyện Q đang ở nhà anh N, D nói dối anh T: “nhà em có hai cái tivi, đang làm nhà không có chỗ để nên bán đi một cái anh có mua không”, anh T sau khi cắm điện kiểm tra thấy tivi vẫn hoạt động thì đồng ý mua với giá 1.400.000đ. Do anh T chỉ còn 1.200.000đ nên xin D bớt 200.000đ, D đồng ý rồi cầm tiền ra quán điện thoại ở thôn 8, xã Q, huyện Q trả tiền sửa điện thoại của D hết 380.000đ. Sau đó D quay lại quán nét đưa cho T 600.000đ, nói dối T tivi bán được 600.000đ, T cầm tiền đưa cho D 50.000đ gọi là tiền công bán tivi.

Đối với anh T, sau khi mua chiếc tivi đã bán lại cho anh Lê Đình C, sinh năm 1985 ở thôn 4, xã Q, huyện Q với giá 1.200.000đ. Sau khi được cơ quan điều tra thông báo chiếc tivi, 02 con ngựa gỗ và 01 chiếc điện thoại di động NOKIA là tang vật của vụ án thì anh C, anh H, chị H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Ngày 23/10/2017 biết không thể che dấu được hành vi phạm tội của mình nên T đến cơ quan CSĐT huyện Quảng Xương đầu thú hành vi phạm tội.

Theo báo cáo của ông Văn Huy H, chiếc điện thoại di động NOKIA, hai con ngựa gỗ và chiếc tivi SAMSUNG 42inch là tài sản của gia đình ông, tại thời điểm bị T trộm cắp, tổng tài sản trị giá khoảng 13.600.000đ. Ngày 23/10/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương xác định trị giá: Chiếc điện thoại NOKIA 700.000đ; hai con ngựa gỗ: 2.500.000đ; chiếc tivi SAM SUNG 42inch: 10.000.000đ, tổng giá trị tài sản là 13.200.000đ. Ngày 07/11/2017 cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Văn Huy H. Ông H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Quá trình điều tra, Lê Văn D khai nhận lúc đầu D không biết T trộm cắp tài sản nên mới đồng ý chở T về, khi trực tiếp nhìn thấy T lấy tivi đưa qua tường mà không ra cửa chính, D biết là T trộm tivi đem đi bán nhưng do không có tiền tiêu xài nên D đã đồng ý đi bán tivi trộm cắp cùng với T. Chiếc xe Dream BKS 36V7-6193 D sử dụng chở T đi trộm cắp và tiêu thụ tài sản là xe của mẹ D là bà Nguyễn Thị N, bà N không biết D sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT không thu giữ.

Đối với hành vi mua hai con ngựa gỗ, tivi và điện thoại của Đới Đức H, Văn Doãn T, Lê Đình C, Nguyễn Thị H, khi mua không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có, vì vậy không xử lý hình sự đối với Đ, H, T, C và H. Đối với Nguyễn Trọng N là người chở T đi xã Q, huyện Q, tuy nhiên N không biết T đi bán tài sản trộm cắp nên không có cơ sở xử lý đối với Nguyễn Trọng N.

Đối với số tiền 650.000đ do bán tivi cho T mà có của Lê Văn D, D đã trả lại cho Nguyễn Trọng T. Đối với số tiền 1.500.000đ Nguyễn Trọng T do bán tài sản trộm cắp mà có, gia đình Nguyễn Trọng T đã tự nguyện trả lại cho anh H, anh C, chị H. Anh H, anh C, chị H không có yêu cầu gì về bồi thường.

Qua điều tra, xác minh Nguyễn Trọng T, Lê Văn D không có tài sản gì, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Tại bản cáo trạng số 08/CT- KSĐT ngày 15/01/2018 của VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Trọng T về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999. Lê văn D về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 250 BLHS năm 1999 .

Tại phiên toà:

- Các bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải.
- Đại diện VKS giữ nguyên tội danh đã truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (đối với Nguyễn Trọng T). Khoản 1 điều 250; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31; Điều 69; Điều 73 BLHS năm 1999 (đối với Lê Văn D); xử phạt: Nguyễn Trọng T từ 12 đến 15 tháng tù; Lê Văn D từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

_ Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét: Lê Văn D có nhân thân tốt, khi phạm tội D chưa đủ tuổi thành niên nên thiếu hiểu biết, là lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, có nơi thường trú rõ ràng nên đề nghị mức án thấp nhất đối với D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Tại phiên tòa: Nguyễn Trọng T khai nhận có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại NOKIA; 01 ti vi SAMSUNG và 02 con ngựa gỗ của ông Văn Huy H trị giá 13.200.000đ mang đến các (địa bàn khác) thuộc xã Q, huyện Q tiêu thụ nhằm che dấu hành vi phạm tội. Lê Văn D khai nhận: mặc dù không hứa hẹn trước với T về việc tiêu thụ tài sản trộm cắp nhưng khi biết rõ chiếc tivi SAMSUNG 42inch là do Nguyễn Trọng T trộm cắp, song vì muốn được hưởng lợi bất chính Lê Văn D đã dẫn dắt tiêu thụ để được hưởng lợi 650.000đ. Các bị cáo đều thừa nhận tội như VKS truy tố phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đó chấp nhận: Cáo trạng và trình bày luận tội của đại diện VKS nhân dân huyện Quảng Xương về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn chính xác, đúng pháp luật; Các lý lẽ, chứng cứ và đề nghị, yêu cầu của người bào chữa về tội danh và hình phạt đối với Lê Văn D hoàn toàn phù hợp pháp luật - Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Trọng T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138BLHS năm 1999. Lê Văn D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 250 BLHS năm 1999.

[2]. Quá trình Điều tra, truy tố và xét xử: Điều tra viên, kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện đầy đủ, chính xác về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của BLTTHS.

[3]. Đánh giá tính chất chung của vụ án: Đây là vụ án xâm phạm quyền sở hữu, Hành vi phạm tội của các bị cáo cấu thành độc lập nhưng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ, gây tâm lý bất ổn trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn trên địa bàn dân cư, do đó phải nghiêm trị hành vi phạm tội của các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với Nguyễn Trọng T, phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, tuy tuổi đời còn trẻ nhưng T không chịu lao động hướng thiện, lại lôi kéo người chưa thành niên phạm tội nên cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú hành vi phạm tội, quá trình điều tra thành khẩn khai báo; gia đình Nguyễn Trọng T đã tự nguyện giao nộp số tiền T hưởng lợi bất chính nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

- Đối với Lê Văn D: Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy D có nơi thường trú rõ ràng, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính, bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên: 17 tuổi 8 tháng 6 ngày, sự phát triển con người về sinh học và xã hội chưa đầy đủ nên hạn chế về năng lực hành vi lúc phạm tội do đó nên áp dụng các nguyên tắc xử lý hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và chưa cần tách ly khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về bồi thường thiệt hại :

Bị hại là: Ông Văn Huy H đã được nhận lại đầy đủ tài sản do các bị cáo phạm tội và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về Số tiền thu lời bất chính: Số tiền 650.000đ Lê Văn D có được do tiêu thụ tài sản của T phạm tội, D đã trả lại cho T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Đới Đức H, anh Lê Đình C, chị Nguyễn Thị H đều đã nhận lại tổng số tiền 1.500.000đ do gia đình T tự nguyện trả và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên cảnh báo cho anh H, anh C, chị H cần có ý thức cao trong đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138 ; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (đối với Nguyễn Trọng T). Khoản 1 Điều 250; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Khoản 1, 2 Điều 31; khoản 1, 3, 5 Điều 69; Điều 73 BLHS năm 1999 (đối với Lê Văn D).

Tuyên bố: Nguyễn Trọng T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Lê Văn D phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Xử phạt:

- Nguyễn Trọng T12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2017.

- Lê Văn D 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự của Công an huyện Quảng Xương và tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14; mục 1 phần I danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016) - Buộc các bị cáo: Nguyễn Trọng T, Lê Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND, CA huyện Quảng Xương;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương để thi hành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Cúc

